

Số: /BC-UBND

Ba Đồn, ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI NĂM 2023,**  
**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ**  
**VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI NĂM 2024**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thị xã.

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI NĂM 2023:**

Triển khai thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 2023, công tác quản lý và sử dụng đất thị xã Ba Đồn đã đạt được những kết quả như sau:

Tổng diện tích tự nhiên của toàn thị xã năm 2023 là 16.230,11 ha, chia ra các nhóm đất như sau:

- Đất nông nghiệp 11.061,32 ha chiếm 68,15 % tổng diện tích tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp 4.529,02 ha chiếm 27,91 % tổng diện tích tự nhiên.
- Đất chưa sử dụng 639,77 ha chiếm 3,94% tổng diện tích tự nhiên.

**1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất so với kế hoạch được duyệt như sau:**

Thực hiện Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thị xã Ba Đồn. UBND thị xã đã tiến hành triển khai việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất để thực hiện các công trình, dự án theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng được duyệt. Kết quả thực hiện đạt được cụ thể như sau:

***Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất so với kế hoạch được duyệt***

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
1	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>10.764,16</b>	<b>11.061,32</b>	<b>297,16</b>	<b>102,76</b>
	<i>Trong đó:</i>		-	-	-	-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.596,91	2.726,22	129,31	104,98
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.510,18</i>	<i>2.623,69</i>	<i>113,51</i>	<i>104,52</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.218,45	1.253,87	35,42	102,91
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	197,50	200,05	2,55	101,29

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.291,93	1.255,13	-36,80	97,15
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	5.041,58	5.155,33	113,75	102,26
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	2.877,24	2.877,24	-	100,00
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	414,91	467,82	52,91	112,75
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,88	2,90	0,02	100,69
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.910,71</b>	<b>4.529,02</b>	<b>-381,69</b>	<b>92,23</b>
	<i>Trong đó:</i>		-	-	-	-
2.1	Đất quốc phòng	CQP	55,37	27,50	-27,87	49,67
2.2	Đất an ninh	CAN	4,95	3,93	-1,02	79,39
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	47,80	35,55	-12,25	74,37
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	35,63	7,07	-28,56	19,84
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	4,55	-	-4,55	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	22,74	26,63	3,89	117,11
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.125,28	1.904,90	-220,38	89,63
	<i>Trong đó:</i>		-	-	-	-
-	Đất giao thông	DGT	1.130,38	968,85	-161,53	85,71
-	Đất thủy lợi	DTL	482,01	435,83	-46,18	90,42
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	12,86	8,31	-4,55	64,62
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	12,70	5,34	-7,36	42,05
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	57,53	55,40	-2,13	96,30
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	27,70	21,97	-5,73	79,31
-	Đất công trình năng lượng	DNL	41,80	40,75	-1,05	97,49
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,41	0,43	0,02	104,88
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,92	0,92	-	100,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,90	1,90	-	100,00

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	15,42	15,66	0,24	101,56
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	328,38	337,76	9,38	102,86
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-	-	-
-	Đất chợ	DCH	13,27	11,78	-1,49	88,77
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	9,43	8,46	-0,97	89,71
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	3,42	3,06	-0,36	89,47
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	373,19	351,01	-22,18	94,06
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	565,06	365,15	-199,91	64,62
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,12	10,85	-2,27	82,70
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,52	3,52	-	100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	9,75	9,80	0,05	100,51
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.474,54	1.585,45	110,91	107,52
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	162,36	186,14	23,78	114,65
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>555,24</b>	<b>639,77</b>	<b>84,53</b>	<b>115,22</b>

**1.1. Đất nông nghiệp:** Chỉ tiêu diện tích đất nông nghiệp được duyệt đến năm 2023 là 10.764,16 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 11.061,32 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 297,16 ha, đạt 102,76%. Như vậy, kết quả thực hiện việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp còn chậm hơn so với kế hoạch. Cụ thể các loại đất như sau:

*a) Đất trồng lúa*

Chỉ tiêu diện tích đất trồng lúa được duyệt đến năm 2023 là 2.596,91 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 2.726,22 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 129,31 ha, đạt 104,98%.

Diện tích đất trồng lúa cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã đăng ký chuyển đổi đất trồng lúa sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được do nhiều nguyên nhân khác nhau. Cụ thể như: Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025; Khu đô thị tại khu vực trung tâm thị xã Ba Đồn (Thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng đất

trồng lúa của Thủ tướng Chính phủ); Khu tiêu thủ công nghiệp tại phường Quảng Thọ; Phát triển quỹ đất khu dân cư phía Bắc tuyến đường tỉnh lộ 559B, xã Quảng Sơn (Giai đoạn 1); Dự án Khu dân cư và đường Lý Thường Kiệt đoạn qua phường Quảng Thuận; Nhà thi đấu đa năng và các công trình thị xã Ba Đồn; Bệnh viện đa khoa Khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2);... dẫn đến chỉ tiêu đất trồng lúa có sự chênh lệch.

*b) Đất trồng cây hàng năm khác*

Chỉ tiêu diện tích đất trồng cây hàng năm khác được duyệt đến năm 2023 là 1.218,45 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 1.253,87 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 35,42 ha, đạt 102,91%.

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã đăng ký chuyển đổi đất trồng cây hàng năm khác sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được do nhiều nguyên nhân khác nhau. Cụ thể như: Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; Đường từ ngã tư Quảng Thọ ra Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn (Đường Võ Nguyên Giáp); HTKT Khu tái định cư phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn (phục vụ GPMB Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3); HTKT Khu dân cư phía Nam đường Quang Trung, phường Quảng Thọ;... dẫn đến chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm khác có sự chênh lệch.

*c) Đất trồng cây lâu năm*

Chỉ tiêu diện tích đất trồng cây lâu năm được duyệt đến năm 2023 là 197,50 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 200,05 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 2,55 ha, đạt 101,29%.

Diện tích đất trồng cây lâu năm cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã đăng ký chuyển đổi đất trồng cây lâu năm sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được do nhiều vấn đề như nguồn vốn, địa điểm xây dựng, các thủ tục pháp lý hoặc thực hiện với diện tích nhỏ hơn so với diện tích đã đăng ký... Cụ thể như: Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Hạ tầng đường giao thông từ đường Nguyễn Trãi đi quốc lộ 1A, TDP Tiên Phong, phường Quảng Long; Dự án Điểm dân cư khu vực vườn Phụ Lão, thôn Thượng Thôn, xã Quảng Trung; Dự án HTKT tạo quỹ đất ở KDC phía Nam đường Hùng Vương (Giai đoạn 2); Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) tỉnh Quảng Bình (tại thị xã Ba Đồn);...dẫn đến chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm có sự chênh lệch.

*d) Đất rừng phòng hộ*

Chỉ tiêu diện tích đất rừng phòng hộ được duyệt đến năm 2023 là 1.291,93 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 1.255,13 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 36,80 ha, đạt 97,15%.

Diện tích đất rừng phòng hộ thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã đăng ký thực hiện Dự án Phát triển quỹ đất Tổ dân phố Tân Mỹ (Đợt 1); Xây dựng Nhà thờ Giáo xứ Tân Mỹ;... dẫn đến chỉ tiêu đất rừng phòng hộ có sự chênh lệch.

*e) Đất rừng sản xuất*

Chỉ tiêu diện tích đất rừng sản xuất được duyệt đến năm 2023 là 5.041,58 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 5.155,33 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 113,75 ha, đạt 102,26%.

Diện tích đất rừng sản xuất cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất 2023 đã đăng ký chuyển đổi đất rừng sản xuất sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được do nhiều vấn đề như nguồn vốn, địa điểm xây dựng, các thủ tục pháp lý... như: Sở chỉ huy diễn tập khu vực phòng thủ thị xã Ba Đồn; Thao trường bắn lực lượng vũ trang thị xã Ba Đồn tại xã Quảng Tiên; Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025; Đường dây 500Kv Quảng Trạch - Đốc Sỏi; Dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL 12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh; Hạ tầng đường giao thông từ đường Nguyễn Trãi đi quốc lộ 1A, TDP Tiên Phong, phường Quảng Long; Xây dựng Quảng trường biển thị xã Ba Đồn; Khu đô thị phức hợp du lịch nghỉ dưỡng thương mại tại phường Quảng Thọ; Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) tỉnh Quảng Bình (tại thị xã Ba Đồn); Khu tiểu thủ công nghiệp tại phường Quảng Thọ;... dẫn đến chỉ tiêu đất rừng sản xuất có sự chênh lệch.

*f) Đất nuôi trồng thủy sản*

Chỉ tiêu diện tích đất nuôi trồng thủy sản được duyệt đến năm 2023 là 414,91 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 467,82 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 52,91 ha, đạt 112,75%.

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản cao hơn so với chỉ tiêu là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã đăng ký chuyển đổi đất nuôi trồng thủy sản sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được như: Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025; Dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL 12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh; Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ nuôi trồng thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1); Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cầu kết hợp đường hai đầu cầu qua thôn Minh Tiến, xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn; Nhà sinh hoạt cộng đồng TDP 8, phường Quảng Phong; Khu đô thị tại khu vực trung tâm thị xã Ba Đồn (Thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của Thủ tướng Chính phủ); Dự án HTKT tạo quỹ đất ở KDC phía Nam đường Hùng Vương (Giai đoạn 2); Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) tỉnh Quảng Bình (tại thị xã Ba Đồn); Hồ cảnh quan Vĩnh Phước và

nuôi cá nước ngọt; Khu tiêu thụ công nghiệp tại phường Quảng Thọ;... dẫn đến diện tích đất nuôi trồng thủy sản có sự chênh lệch.

*g) Đất nông nghiệp khác*

Chỉ tiêu diện tích đất nông nghiệp khác được duyệt đến năm 2023 là 2,88 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 2,90 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 0,02 ha, đạt 100,69%.

Diện tích đất nông nghiệp khác cao hơn so với chỉ tiêu là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 có các dự án đất nông nghiệp khác đã được đăng ký nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được do nhiều vấn đề như nguồn vốn, địa điểm xây dựng, các thủ tục pháp lý như: Nâng cấp hệ thống tưới tiêu và thoát lũ sông Kênh Kìa khu vực thị xã Ba Đồn và Quảng Trạch thuộc dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - tiểu dự án Quảng Bình, dẫn đến chỉ tiêu đất nông nghiệp khác có sự chênh lệch.

**1.2. Đất phi nông nghiệp:** Chỉ tiêu diện tích đất phi nông nghiệp được duyệt đến năm 2023 là 4.910,71 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 4.529,02 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 381,69 ha, đạt 92,23%. Cụ thể các loại đất như sau:

*a) Đất quốc phòng*

Chỉ tiêu diện tích đất quốc phòng được duyệt đến năm 2023 là 55,37 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 27,50 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 27,87 ha, đạt 49,67%.

Diện tích đất quốc phòng thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do một số công trình đất quốc phòng đã đăng ký trong kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký như: Sở chỉ huy diễn tập khu vực phòng thủ thị xã Ba Đồn; Thao trường bắn lực lượng vũ trang thị xã Ba Đồn tại xã Quảng Tiên;... dẫn đến chỉ tiêu đất quốc phòng có sự chênh lệch.

*b) Đất an ninh*

Chỉ tiêu diện tích đất an ninh được duyệt đến năm 2023 là 4,95 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 3,93 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 1,02 ha, đạt 79,39%.

Diện tích đất an ninh thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do một số công trình đất an ninh đã đăng ký trong kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký như: Trụ sở công an xã Quảng Hải; Trụ sở công an xã Quảng Hòa; Trụ sở công an xã Quảng Tân; Trụ sở công an xã Quảng Thủy; Trụ sở công an xã Quảng Tiên; Trụ sở công an xã Quảng Văn;... dẫn đến chỉ tiêu đất an ninh có sự chênh lệch.

*c) Đất thương mại dịch vụ*

Chỉ tiêu diện tích đất thương mại dịch vụ được duyệt đến năm 2023 là 47,80 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 35,55 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 12,25 ha, đạt 74,37%.

Diện tích đất thương mại dịch vụ thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do một số công trình đất thương mại dịch vụ đã đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký như: Đấu giá thuê đất Siêu thị thương mại khu vực Rạp trời, phường Ba Đồn; Đấu giá thuê đất thương mại dịch vụ khu phố 1, phường Ba Đồn; Khu thể thao và giải trí tổng hợp Ba Đồn; Đấu giá thuê đất thương mại dịch vụ (thuộc dự án Khu dân cư phía Bắc phường Quảng Long - Giai đoạn 2); Khu liên hợp thể thao giải trí Tiên Phong của Công ty TNHH xây dựng Tổng hợp Tiên Phong, phường Quảng Long; Cửa hàng xăng dầu và các dịch vụ kèm theo của Công ty TNHH TM&XD Minh Hiếu; Khu du lịch sinh thái nông nghiệp công nghệ cao tổng hợp của Bà Mai Hồng Nhung, phường Quảng Phúc; Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt; Khu dịch vụ tổng hợp vùng Nam; Trung tâm dịch vụ Nam sông Gianh; Xây dựng Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Hoàng Huy;... dẫn đến chỉ tiêu đất thương mại dịch vụ có sự chênh lệch.

*d) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*

Chỉ tiêu diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được duyệt đến năm 2023 là 35,63 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 7,07 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 28,56 ha, đạt 19,84%.

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do một số công trình đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đã đăng ký trong kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký như: Dự án Đầu tư xây dựng khu vực đóng mới và sửa chữa tàu thuyền nghề cá; Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền nghề cá Huệ Thê; Khu tiểu thủ công nghiệp tại phường Quảng Thuận dẫn đến chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có sự chênh lệch.

*e) Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*

Chỉ tiêu đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản được duyệt đến năm 2023 là 4,55 ha. Đến năm 2023 chưa có công trình nào được thực hiện, do vậy đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản thấp hơn chỉ tiêu được duyệt là 4,55 ha.

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do công trình Mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường thôn Thọ Đơn, phường Quảng Thọ của công ty Trần Quế Chi đã đăng ký trong kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện dẫn đến chỉ tiêu đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản có sự chênh lệch.

*f) Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*

Chỉ tiêu diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm được duyệt đến năm 2023 là 22,74 ha. Kết quả thực hiện đến là 26,63 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 3,89 ha, đạt 117,11%.

Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do một số công trình, dự án đăng ký chuyển đổi đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm sang các loại đất khác nhưng chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký do nhiều nguyên nhân khác nhau như: Mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường thôn Thọ Đơn, phường Quảng Thọ của công ty Trần Quế Chi dẫn đến chỉ tiêu đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm có sự chênh lệch.

*g) Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã*

Chỉ tiêu diện tích đất phát triển hạ tầng cấp Quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được duyệt đến năm 2023 là 2.125,28 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 1.904,90 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 220,38 ha, đạt 89,63%. Trong đó:

+ Đất giao thông: Chỉ tiêu đất giao thông được duyệt đến năm 2023 là 1.130,38 ha. Kết quả thực hiện là 968,85 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 161,53 ha, đạt 85,71%.

Diện tích đất giao thông thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do một số công trình đất giao thông đã đăng ký thực hiện nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được như: Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025; Dự án thành phần 1 - Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và Cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình; Dự án thành phần 1: Đầu tư xây dựng QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh; Hạ tầng các tuyến đường nối từ Quốc lộ 12A phường Quảng Phong đi phường Quảng Long và kết nối đường đi trung tâm huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1); Dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL 12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh; Tuyến đường trục chính Quốc lộ 12A đi vùng Nam, đoạn từ xã Quảng Lộc đi cụm trung tâm các xã vùng Nam; Tuyến đường kết nối trung tâm thị xã Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch; Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Bắc sông Gianh, phường Quảng Phúc; Đường từ ngã tư Quảng Thọ ra Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn (Đường Võ Nguyên Giáp);... dẫn đến chỉ tiêu đất giao thông có sự chênh lệch.

+ Đất thủy lợi: Chỉ tiêu đất thủy lợi được duyệt đến năm 2023 là 482,01 ha. Kết quả thực hiện là 435,83 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 46,18 ha, đạt 90,42%.

Diện tích đất thủy lợi thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do một số công trình đất thủy lợi đã đăng ký thực hiện trong năm 2023 nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được do nhiều nguyên nhân khác nhau như: Kè chống sạt lở bờ tả kênh Xuân Hưng, đoạn từ đập tràn Quảng Thuận ra sông Gianh dẫn đến chỉ tiêu đất thủy lợi có sự chênh lệch.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở văn hóa được duyệt đến năm 2023 là 12,86 ha. Kết quả thực hiện là 8,31 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 4,55 ha, đạt 64,62%.

Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do công trình đất xây dựng cơ sở văn hóa đã đăng ký thực hiện trong năm 2023 nhưng đến nay chưa thực hiện được hoặc thực hiện với diện tích thấp hơn đã đăng ký như: Xây dựng Quảng trường biên thị xã Ba Đồn dẫn đến chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở văn hóa có sự chênh lệch.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở y tế được duyệt đến năm 2023 là 12,70 ha. Kết quả thực hiện là 5,34 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 7,36 ha, đạt 42,05%.

Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do một số công trình đất xây dựng cơ sở y tế đã đăng ký nhưng chưa thực hiện được như: Bệnh viện đa khoa Khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2); Trạm y tế xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025) dẫn đến chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở y tế có sự chênh lệch.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo được duyệt đến năm 2023 là 57,53 ha. Kết quả thực hiện là 55,40 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 2,13 ha, đạt 96,30%.

Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong năm kế hoạch 2023 đã đăng ký các công trình đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được như: Trường Mầm non xã Quảng Sơn (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025); Trường Mầm non xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025); Trường TH-THCS tại xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025) Trường THCS Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025;... dẫn đến chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo có sự chênh lệch.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao được duyệt đến năm 2023 là 27,70 ha. Kết quả thực hiện là 21,97 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 5,73 ha, đạt 79,31%.

Diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong năm kế hoạch 2023 đã đăng ký các công trình đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được như: Nhà thi đấu đa năng và các công trình thị xã Ba Đồn; Sân vận động phường Quảng Phong; Sân vận động xã Quảng Sơn (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; Sân thể thao xã Quảng Hải (phục

vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025) dẫn đến chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao có sự chênh lệch.

+ Đất công trình năng lượng: Chỉ tiêu đất công trình năng lượng được duyệt đến năm 2023 là 41,80 ha. Kết quả thực hiện là 40,75 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 1,05 ha, đạt 97,49%.

Diện tích đất công trình năng lượng thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong năm kế hoạch đăng ký thực hiện các công trình đất công trình năng lượng nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được như: Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực trung tâm thị xã Ba Đồn;... dẫn đến chỉ tiêu đất công trình năng lượng có sự chênh lệch.

+ Đất buru chính viễn thông: Chỉ tiêu đất công trình buru chính, viễn thông được duyệt đến năm 2023 là 0,41 ha. Kết quả thực hiện là 0,43 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 0,02 ha, đạt 104,88%.

Diện tích đất công trình buru chính, viễn thông cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do một số công trình, dự án đăng ký chuyển đổi đất công trình buru chính, viễn thông sang các loại đất khác nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký do nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến chỉ tiêu đất công trình buru chính, viễn thông có sự chênh lệch.

+ Đất có di tích lịch sử văn hóa: Chỉ tiêu đất có di tích lịch sử - văn hóa được duyệt đến năm 2023 là 0,92 ha. Kết quả thực hiện là 0,92 ha, đạt chỉ tiêu đề ra.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Chỉ tiêu đất bãi thải, xử lý chất thải được duyệt đến năm 2023 là 1,90 ha. Kết quả thực hiện là 1,90 ha, đạt chỉ tiêu đề ra.

+ Đất cơ sở tôn giáo: Chỉ tiêu đất cơ sở tôn giáo được duyệt đến năm 2023 là 15,42 ha. Kết quả thực hiện là 15,66 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 0,24 ha, đạt 101,56%.

Diện tích đất cơ sở tôn giáo cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do có Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Giáo xứ Tân Mỹ xây dựng Nhà thờ giáo xứ Tân Mỹ tại phường Quảng Phúc dẫn đến chỉ tiêu đất cơ sở tôn giáo có sự chênh lệch.

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Chỉ tiêu đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng được duyệt đến năm 2023 là 328,38 ha. Kết quả thực hiện là 337,76 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 9,38 ha, đạt 102,86%.

Diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng cao hơn so với chỉ tiêu là do trong năm kế hoạch có một số công trình, dự án đăng ký chuyển đổi đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng sang các loại đất khác nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký do nhiều nguyên nhân khác nhau nên dẫn đến chỉ tiêu đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng có sự chênh lệch.

+ Đất chợ: Chỉ tiêu được duyệt của đất chợ đến năm 2023 là 13,27 ha. Kết quả thực hiện là 11,78 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 1,49 ha, đạt 88,77%.

Diện tích đất chợ thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do trong năm kế hoạch đăng ký thực hiện các công trình đất chợ nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được như: Chợ Quảng Phong; Chợ Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025) dẫn đến chỉ tiêu đất chợ có sự chênh lệch.

#### *h) Đất sinh hoạt cộng đồng*

Chỉ tiêu diện tích đất sinh hoạt cộng đồng được duyệt đến năm 2023 là 9,43 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 8,46 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 0,97 ha, đạt 89,71%.

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng thấp hơn so với chỉ tiêu phê duyệt là do một số nhà sinh hoạt cộng đồng tại các xã, phường đã đăng ký trong kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký như: Nhà sinh hoạt cộng đồng TDP 1, phường Quảng Phong; Nhà sinh hoạt cộng đồng TDP 3, phường Quảng Phong; Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Vĩnh Phước, xã Quảng Lộc;... dẫn đến chỉ tiêu đất sinh hoạt cộng đồng có sự chênh lệch.

#### *i) Đất khu vui chơi giải trí công cộng*

Chỉ tiêu diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng được duyệt đến năm 2023 là 3,42 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2023 là 3,06 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 0,36 ha, đạt 89,47%.

Diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng thấp hơn so với chỉ tiêu phê duyệt là do có các công trình đã đăng ký chuyển đổi đất khu vui chơi giải trí công cộng sang loại đất khác nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện được như dẫn đến chỉ tiêu đất khu vui chơi giải trí công cộng có sự chênh lệch.

#### *k) Đất ở tại nông thôn*

Chỉ tiêu diện tích đất ở nông thôn được duyệt đến năm 2023 là 373,19 ha. Kết quả thực hiện là 351,01 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 22,18 ha, đạt 94,06%.

Diện tích đất ở tại nông thôn thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do một số công trình, dự án đất ở tại nông thôn đã đăng ký trong kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký như: HTKT Khu tái định cư xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025); Phát triển quỹ đất khu dân cư phía Bắc tuyến đường tỉnh lộ 559B, xã Quảng Sơn (Giai đoạn 1); Điểm dân cư nông thôn thôn Tân Trường, xã Quảng Tân; Dự án Điểm dân cư khu vực vườn Phụ Lão, thôn Thượng Thôn, xã Quảng Trung; Dự án Phát triển quỹ đất điểm dân cư khu vực 2 thôn Trung

Thôn, xã Quảng Trung; Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Khu dân cư vùng dưới Ông Cũ, Phần Tư và phần Hói Ngoài, thôn Vân Đông, xã Quảng Hải;... dẫn đến chỉ tiêu đất ở tại nông thôn có sự chênh lệch.

*l) Đất ở tại đô thị*

Chỉ tiêu diện tích đất ở tại đô thị được duyệt đến năm 2023 là 565,06 ha. Kết quả thực hiện là 365,15 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 199,91 ha, đạt 64,62%.

Diện tích đất ở tại đô thị thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do một số công trình, dự án đất ở tại đô thị đã đăng ký trong kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký như: Khu đô thị tại khu vực trung tâm thị xã Ba Đồn (Thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của Thủ tướng Chính phủ); Dự án HTKT tạo quỹ đất ở KDC phía Nam đường Hùng Vương (Giai đoạn 2); Khu phức hợp Ba Đồn, tại phường Ba Đồn; Dự án HTKT Khu dân cư phía Bắc TDP Trường Sơn, phường Quảng Long; Hạ tầng khu dân cư phía Nam TDP Chính Trực, phường Quảng Long; Khu dân cư phía Bắc phường Quảng Long (Giai đoạn 1); Dự án Khu dân cư phía Đông TDP Tân Xuân, phường Quảng Phong; HTKT Khu tái định cư phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn (phục vụ GPMB Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3); Dự án HTKT Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường Quảng Thọ; HTKT Khu dân cư phía Nam đường Quang Trung, phường Quảng Thọ; Khu đô thị phức hợp du lịch nghỉ dưỡng thương mại tại phường Quảng Thọ; Dự án Khu đô thị Cồn Két tại phường Quảng Thuận; HTKT Khu tái định cư phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn (phục vụ GPMB Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3);... dẫn đến chỉ tiêu đất ở tại nông thôn có sự chênh lệch.

*m) Đất xây dựng trụ sở cơ quan*

Chỉ tiêu diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan được duyệt đến năm 2023 là 13,12 ha. Kết quả thực hiện là 10,85 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 2,27 ha, đạt 82,70%.

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do một số công trình đất xây dựng trụ sở cơ quan đã đăng ký trong kế hoạch nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau đến nay vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đủ diện tích đã đăng ký như: Trụ sở UBND phường Quảng Thọ; Trụ sở UBND xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025) dẫn đến chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở cơ quan có sự chênh lệch.

*n) Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*

Chỉ tiêu diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp được duyệt đến năm 2023 là 3,52 ha. Kết quả thực hiện là 3,52 ha, đạt chỉ tiêu đề ra.

*p) Đất cơ sở tín ngưỡng*

Chỉ tiêu diện tích đất tín ngưỡng được duyệt đến năm 2023 là 9,75 ha. Kết quả thực hiện là 9,80 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 0,05 ha, đạt 100,51%.

Diện tích đất tín ngưỡng cao hơn chỉ tiêu được phê duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã đăng ký chuyển đổi đất tín ngưỡng sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được dẫn đến chỉ tiêu đất tín ngưỡng có sự chênh lệch.

*q) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối*

Chỉ tiêu diện tích đất sông ngòi, kênh, rạch, suối được duyệt đến năm 2023 là 1.474,54 ha. Kết quả thực hiện là 1.585,45 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 110,91 ha, đạt 107,52%.

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối cao hơn chỉ tiêu được duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã đăng ký chuyển đổi đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được như: Đầu tư xây dựng khu vực đóng mới và sửa chữa tàu thuyền nghề cá; Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền nghề cá Huệ Thê; Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) tỉnh Quảng Bình (tại thị xã Ba Đồn); Dự án Khu đô thị Cồn Két tại phường Quảng Thuận; Dự án Khu dân cư phía Đông TDP Tân Xuân, phường Quảng Phong; Dự án HTKT tạo quỹ đất ở KDC phía Nam đường Hùng Vương (Giai đoạn 2); Phát triển quỹ đất KDC dọc bờ sông Gianh, TDP Cầu, phường Quảng Thuận; Dự án HTKT Khu quy hoạch điểm dân cư khu phố 2, phường Ba Đồn;... dẫn đến chỉ tiêu đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối có sự chênh lệch.

*r) Đất có mặt nước chuyên dùng*

Chỉ tiêu diện tích đất có mặt nước chuyên dùng được duyệt đến năm 2023 là 162,36 ha. Kết quả thực hiện là 186,14 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 23,78 ha, đạt 114,65%.

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng cao hơn chỉ tiêu phê duyệt là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã đăng ký chuyển đổi đất có mặt nước chuyên dùng sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng có nhiều dự án chưa thực hiện được như: Trụ sở công an xã Quảng Hòa; Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025; Nâng cấp hệ thống tưới tiêu và thoát lũ sông Kênh Kịa khu vực thị xã Ba Đồn và Quảng Trạch thuộc dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị- Tiểu dự án Quảng Bình; Dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL 12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh; Đầu tư xây dựng đường từ phường Quảng Thọ đến trạm biên phòng cảng Gianh, phường Quảng Phúc; Trường Mầm non xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025); Sân thể thao xã Quảng Hải (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam

phía Đông giai đoạn 2021 - 2025);... dẫn đến diện tích đất có mặt nước chuyên dùng có sự chênh lệch.

### **2.1.3. Đất chưa sử dụng**

Chỉ tiêu diện tích đất chưa sử dụng được duyệt đến năm 2023 là 555,24 ha. Kết quả thực hiện là 639,77 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 84,53 ha, đạt 115,22%.

Diện tích đất chưa sử dụng cao hơn chỉ tiêu phê duyệt là do một số hạng mục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã đăng ký chuyển đổi đất chưa sử dụng để thực hiện nhưng đến nay chưa thực hiện được, bao gồm: Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025; Dự án thành phần 1 - Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình; Dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL 12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh; Hạ tầng đường giao thông từ đường Nguyễn Trãi đi quốc lộ 1A, TDP Tiên Phong, phường Quảng Long; Tuyến đường kết nối trung tâm thị xã Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch; Công viên lễ hội đình làng Phan Long Ba Đồn; Hạ tầng kỹ thuật diêm dân cư cầu Bánh Tét, phường Ba Đồn; HTKT Khu dân cư phía Nam đường Quang Trung, phường Quảng Thọ; Dự án Khu đô thị Cồn Két tại phường Quảng Thuận; Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) tỉnh Quảng Bình (tại thị xã Ba Đồn); Khu liên hợp thể thao giải trí Tiên Phong của Công ty TNHH xây dựng Tổng hợp Tiên Phong, phường Quảng Long;... dẫn đến diện tích đất chưa sử dụng có sự chênh lệch.

#### **\* Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023**

- Những kết quả đạt được trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Về mặt chỉ tiêu sử dụng đất: Nhìn chung các chỉ tiêu sử dụng đất đều đạt từ trên 40% trở lên, trong đó các chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp đều đạt từ trên 90% trở lên. Chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thực hiện đạt thấp nhất trong các chỉ tiêu với 19,84%.

Các chỉ tiêu đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất do quá trình đo đạc, xác định chính xác diện tích khi thu hồi, chuyển mục đích khác so với thời điểm lập dẫn đến một số chỉ tiêu chưa đạt theo như phân bổ.

Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và các địa phương phần lớn dựa vào nhu cầu thực tế của địa phương nhưng chưa chủ động được nguồn vốn đầu tư để thực hiện, do đó hầu hết các công trình chậm thực hiện là do thiếu nguồn vốn.

Việc lập các dự án đầu tư, lập phương án thu hồi, đền bù, giải phóng mặt bằng vẫn còn những tồn tại nhất định, dẫn tới thời gian triển khai các dự án đôi khi phải kéo dài.

#### **\* Những mặt tồn tại, hạn chế trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023**

Một số chỉ tiêu sử dụng đất của Tỉnh phân bổ cho thị xã còn chưa sát với thực tiễn và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, dẫn đến trong quá trình thực hiện chênh lệch với kết quả được duyệt.

Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và các địa phương phần lớn dựa vào nhu cầu thực tế của địa phương nhưng chưa chủ động được nguồn vốn đầu tư để thực hiện, do đó hầu hết các công trình chậm thực hiện là do thiếu nguồn vốn.

Việc lập các dự án đầu tư, lập phương án thu hồi, đền bù, giải phóng mặt bằng vẫn còn những tồn tại nhất định, dẫn tới thời gian triển khai các dự án đôi khi phải kéo dài.

### **\* Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022**

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thị xã mặc dù đã đạt được những thành quả nhất định, tuy nhiên, cũng do nhiều nguyên nhân khác nhau đã làm cho một số chỉ tiêu có kết quả thực hiện đến thời điểm hiện tại đạt tương đối thấp hoặc cao hơn nhiều so với chỉ tiêu được duyệt. Một số nguyên nhân tồn tại như sau:

- Tác động của tình hình khó khăn chung của kinh tế thế giới, trong nước, trong tỉnh và của thị xã, ảnh hưởng của dịch bệnh covid của năm trước nên một số nguồn thu đã phân bổ trong kế hoạch bị cắt, giảm, hoãn, thu không đạt dẫn đến nhiều công trình không có vốn thực hiện.

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất 2021 được UBND tỉnh phê duyệt chậm so với thời gian quy định nên các công trình, dự án chưa kịp tiến hành các thủ tục về đất đai dẫn đến tiến độ thực hiện còn chậm.

- Việc huy động vốn để thực hiện các công trình, dự án còn gặp nhiều khó khăn, đồng thời khả năng cân đối ngân sách của địa phương cũng có hạn, nhiều công trình dự án chưa thực hiện được. Một số công trình do vốn đầu tư phân bổ chậm, thủ tục hồ sơ còn kéo dài nên phải kéo dài sang năm sau.

- Nguồn vốn đầu tư hạn hẹp, gây khó khăn trong việc triển khai xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu, cụm công nghiệp, ... dẫn đến nhiều công trình quy hoạch bị kéo dài hoặc không được triển khai.

- Công tác phân tích thông tin đầu vào về kinh tế - xã hội, cũng như xác định các vấn đề, tầm nhìn, chiến lược dài hạn, dự báo nhu cầu sử dụng đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế, dẫn tới tình trạng đăng ký danh mục công trình nhưng tính khả thi không cao.

- Còn tồn tại nhiều vướng mắc do sự chông chéo giữa quy hoạch phát triển các ngành, làm hạn chế không nhỏ trong việc phát huy lợi thế của từng lĩnh vực.

- Công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn, bất cập khi Nhà nước thu hồi đất, làm chậm tiến độ thực hiện các công trình, dự án.

- Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai, phải lùi tiến độ thực hiện.

- Việc tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt ở các cấp chưa nghiêm và thường xuyên. Tình trạng sử dụng đất sai với quy hoạch, kế hoạch chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

Những mặt tồn tại trên cần phải khắc phục trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cũng như trong công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất của các cấp, các ngành nói chung trên địa bàn thị xã.

## **2. Kết quả thực hiện công tác quản lý đất đai năm 2023 như sau:**

### **2.1. Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết để thu hồi đất, giao đất, thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất và giải phóng mặt bằng:**

Trong năm 2023, UBND thị xã Ba Đồn chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND các xã, phường, các ban, ngành liên quan lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất, đáp ứng nhu cầu đất ở cho nhân dân tại các địa phương. Công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND thị xã Ba Đồn triển khai đúng tiến độ. Hiện nay, UBND thị xã Ba Đồn đã có Công văn số 2386/UBND ngày 06/11/2023 về việc đề nghị thẩm Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Ba Đồn gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

Trong năm 2023, UBND thị xã đã chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường tập trung phối hợp, hướng dẫn cho 16 xã, phường trên địa bàn thị xã triển khai việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023, làm cơ sở cho việc thực hiện kế hoạch Nhà nước hàng năm đúng tiến độ và thời gian quy định.

Trên cơ sở quy hoạch chi tiết khu dân cư đã được phê duyệt tổ chức thực hiện việc giao đất làm nhà ở cho nhân dân, thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng đất, hình thức giao đất theo giá khởi điểm đối với những lô đất đủ điều kiện. Quá trình thực hiện đảm bảo tính công khai, dân chủ, công bằng, đúng quy định của Pháp luật.

### **2.2. Công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất:**

#### **a. Công tác thu hồi đất:**

Kết quả thực hiện thu hồi đất để quy hoạch đầu tư xây dựng các công trình, dự án phục vụ Quốc phòng - An ninh, phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn thị xã Ba Đồn năm 2023 tổng cộng 52 công trình, dự án với tổng diện tích 418.851,8 m<sup>2</sup>. (Chi tiết có phụ lục 1 kèm theo).

#### **b. Công tác giao đất:**

- Công tác giao đất: tiếp nhận và xử lý 105 hồ sơ với tổng diện tích 18.350,6 m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Giao đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất: 100 trường hợp với diện tích: 17.505,3 m<sup>2</sup>.

+ Giao đất theo giá khởi điểm: 03 trường hợp với diện tích: 584,0 m<sup>2</sup>.

+ Giao đất để bố trí tái định cư: 02 trường hợp với diện tích: 261,3 m<sup>2</sup>.

*(Chi tiết có phụ lục 2 kèm theo)*

### **c. Công tác cho thuê đất:**

Trong năm 2023, UBND thị xã Ba Đồn không ban hành Quyết định cho thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân nào trên địa bàn thị xã Ba Đồn.

### **d. Công tác cho phép chuyển mục đích sử dụng đất:**

Trong năm 2023, UBND thị xã đã có quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với 456 hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích 62.005,0 m<sup>2</sup> từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất ở. Trong đó:

+ Chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị (ODT): 347 trường hợp với diện tích 46.322,0 m<sup>2</sup>.

+ Chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn (ONT): 109 trường hợp với diện tích 15.683,0 m<sup>2</sup>.

## **2.3. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

UBND thị xã Ba Đồn đã chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường tập trung phối hợp với chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã, đơn đốc các xã, phường xét duyệt hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối các trường hợp đủ điều kiện để trình cấp có thẩm quyền ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Theo kết quả tổng hợp, tính đến ngày 20/11/2023, trên địa bàn thị xã đã thực hiện cấp 150 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó cấp lần đầu cho 60 trường hợp, 80 trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại các xã, phường, 10 trường hợp cấp giấy chứng nhận giao đất tái định cư. Số lượng chưa cấp giấy chứng nhận lần đầu là 497 trường hợp; thực hiện cấp đổi 56 trường hợp (đổi sang hồng), số lượng giấy chứng nhận QSD đất chưa được cấp đổi là 2.144 giấy chứng nhận.

### **2.4. Công tác cấp giấy chứng nhận sau dồn điền đổi thửa:**

Theo kết quả tổng hợp, tính đến ngày 20/11/2023, trên địa bàn thị xã đã thực hiện cấp 1.585 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền đổi thửa còn tồn đọng từ các năm trước chưa thực hiện được.

Như vậy, công tác cấp giấy chứng nhận sau dồn điền đổi thửa trên địa bàn thị xã Ba Đồn đã hoàn thành.

### **2.5. Công tác thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:**

UBND thị xã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 52 công trình, dự án trên địa bàn thị xã Ba Đồn với tổng giá trị phê duyệt 111.265.787.248 đồng, trong đó:

- + Bồi thường về đất: 31.295.346.730 đồng.
- + Bồi thường tài sản trên đất: 31.135.287.899 đồng.
- + Các khoản hỗ trợ: 48.835.152.619 đồng.

*(Chi tiết có phụ lục 1 kèm theo)*

## **2.6. Công tác thu ngân sách từ tiền sử dụng đất:**

Thực hiện kế hoạch thu ngân sách từ tiền sử dụng đất năm 2023, UBND thị xã Ba Đồn đã chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với các phòng ban liên quan và UBND các xã, phường tiến hành công tác thu ngân sách từ đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất theo giá khởi điểm.

Kết quả số thu tiền sử dụng đất từ bán đấu giá QSD đất và giao đất theo giá khởi điểm trong năm 2023 là: 109.403.232.666 đồng, cụ thể:

- Thu qua đấu giá QSD đất: 101.923.662.666 đồng.
- Thu qua giao đất theo giá khởi điểm: 4.290.000.000 đồng.
- Thu qua giao đất bố trí tái định cư: 3.189.570.000 đồng.

*(Chi tiết có phụ lục 2 kèm theo)*

## **3. Những khuyết điểm, hạn chế trong công tác quản lý và sử dụng đất năm 2023:**

- Công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa kịp thời, thiếu tính khả thi, còn lúng túng khi có nhu cầu sử dụng đất phát sinh dẫn đến việc quy hoạch xong phải điều chỉnh quy hoạch cho hợp lý; Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn gặp khó khăn trong việc lập kế hoạch sử dụng đất do UBND xã, phường chưa đăng ký kịp thời hoặc chưa sát với nhu cầu sử dụng đất.

- Công tác quản lý sử dụng đất trên địa bàn từng xã, phường chưa được chặt chẽ, thiếu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát trong quá trình sử dụng đất một cách thường xuyên nên còn để ra tình trạng lấn chiếm đất đai làm nhà trái phép, tranh chấp đất đai, khiếu kiện vượt cấp còn xảy ra chưa giải quyết dứt điểm.

- Tiến độ đầu tư và hạn chế về nguồn vốn đầu tư làm ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện được.

- Diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn thị xã vẫn còn nhiều.

- Kinh phí để phục vụ công tác quản lý Tài nguyên và Môi trường còn hạn chế. Các công việc cần thiết phải tiến hành triển khai nhưng không có kinh phí, gặp khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

## **II. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI NĂM 2024:**

Để công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai ngày càng đi vào nề nếp, chặt chẽ, đúng luật và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã Ba Đồn.

## **1. Phương hướng công tác quản lý đất đai năm 2024 tập trung vào những nội dung sau:**

Tập trung chỉ đạo các xã, phường thực hiện tốt Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, có kế hoạch tổ chức các lớp phổ biến pháp luật để tuyên truyền có hiệu quả cho nhân dân về Luật Đất đai và các văn bản thi hành luật. Từ đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật đến với từng người dân.

Tập trung chỉ đạo thực hiện hoàn thành Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 từ thị xã đến xã, phường nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý và sử dụng đất đai.

Thực hiện tốt công tác thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng các công trình dự án phát triển hạ tầng xã hội, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã.

Đổi mới và nâng cao ý thức trong công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất và cấp GCN QSD đất của các hộ gia đình cá nhân, thực hiện đúng các quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Đẩy nhanh công tác cấp giấy chứng nhận QSD đất lần đầu còn tồn đọng tại các xã, phường.

Tiếp nhận và giải quyết kịp thời, dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo, tranh chấp trong lĩnh vực đất đai và các tài nguyên khác thuộc thẩm quyền phân cấp quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

Tăng cường hơn nữa công tác thanh tra, kiểm tra về quản lý, sử dụng đất đối với các xã, phường, các tổ chức sử dụng đất trên địa bàn thị xã, thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước đối với các lĩnh vực đất đai. UBND thị xã Ba Đồn trực tiếp đôn đốc, chỉ đạo UBND các xã, phường thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

## **2. Kế hoạch sử dụng đất của năm 2024 như sau:**

### ***2.1. Kế hoạch thu hồi đất để xây dựng các công trình, dự án năm 2024:***

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024, tổng diện tích đất cần thu hồi là 630,68 ha đất để phục vụ cho các công trình, dự án. Cụ thể:

#### **a) Đất nông nghiệp:**

Diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi trong năm 2024 là 405,60 ha. Trong đó, diện tích thu hồi cụ thể của mỗi loại đất như sau:

- Đất trồng lúa: 186,58 ha (Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước là 170,66ha)
- Đất trồng cây hàng năm khác: 27,74 ha.
- Đất trồng cây lâu năm: 1,99 ha.
- Đất rừng phòng hộ: 41,55 ha.
- Đất rừng sản xuất: 93,16 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản: 54,56 ha.

- Đất nông nghiệp khác: 0,02 ha.

b) Đất phi nông nghiệp:

Diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi trong năm 2024 là 225,08 ha. Trong đó, diện tích thu hồi cụ thể của mỗi loại đất như sau:

- Đất an ninh: 0,03 ha.

- Đất thương mại, dịch vụ: 3,10 ha.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 2,48 ha.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 3,89 ha.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 112,01ha.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,65 ha.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,11 ha.

- Đất ở tại nông thôn: 1,45 ha.

- Đất ở tại đô thị: 7,96 ha.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,27 ha.

- Đất tín ngưỡng: 0,06 ha.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 76,84 ha.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: 16,23 ha.

### **2.2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023:**

a) Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Ba Đồn cần chuyển đổi mục đích sử dụng 417,38 ha đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp, chi tiết từng loại đất cần chuyển mục đích sử dụng như sau:

- Đất trồng lúa chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 189,65 ha.

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 173,73 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 34,20 ha.

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 2,02 ha.

- Đất rừng phòng hộ chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 41,55 ha.

- Đất rừng sản xuất chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 93,50 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 56,44 ha.

- Đất nông nghiệp khác chuyển sang phi nông nghiệp với diện tích 0,02 ha.

b) Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 81,72 ha.

### **2.3. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng trong năm 2023:**

a) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích đất nông nghiệp năm 2024 là 38,04 ha. Trong đó:

- Đất rừng phòng hộ: 38,04 ha.

b) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích đất phi nông nghiệp năm 2024 là 47,96 ha. Trong đó:

- Đất cụm công nghiệp: 1,06 ha.
- Đất thương mại, dịch vụ: 11,97 ha.
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 2,97 ha.
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 0,73 ha.
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 13,61ha.
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,17 ha.
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,71 ha.
- Đất ở tại nông thôn: 1,10 ha.
- Đất ở tại đô thị: 15,63 ha.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,01 ha.

### **3. Kế hoạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉnh lý biên độ đất đai:**

- Đẩy nhanh công tác cấp giấy chứng nhận QSD đất lần đầu còn tồn đọng tại các xã, phường.
- Tiếp nhận, xử lý và trả kết quả đúng hạn đối với hồ sơ của các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu trong năm 2023.
- Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn các xã, phường trong công tác cấp GCN, giao chỉ tiêu cấp giấy chứng nhận QSD đất đến từng xã, phường cụ thể.

### **4. Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất đến cuối năm 2023 và năm 2024 trên địa bàn thị xã Ba Đồn:**

Từ nay đến cuối năm 2023 và trong năm 2024, UBND thị xã Ba Đồn dự kiến thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đối với 28 công trình, dự án với diện tích 553.265,6 m<sup>2</sup> tại 16 xã, phường trên địa bàn thị xã.

*(Chi tiết có phụ lục 3 kèm theo)*

### **5. Các giải pháp thực hiện kế hoạch sử dụng đất:**

- Tuân thủ những quy định Luật đất đai và những văn bản hướng dẫn thi hành Luật; tiếp tục công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai sâu rộng trong cán bộ và nhân dân.

- Về chính sách:

+ Thực hiện đồng bộ các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai ở tất cả các cấp và các ngành trên địa bàn thị xã; Bám sát nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và triển khai có hiệu quả, bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn.

+ Thực hiện cải cách thủ tục hành chính đồng bộ trên các lĩnh vực: cấp phép đầu tư, cấp phép xây dựng, thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo hướng khuyến khích hình thức chủ đầu tư tự thỏa thuận với người có đất bị thu hồi trên cơ sở quy định của pháp luật. Đồng thời có chính sách đào tạo, tạo việc làm cho người lao động, gắn việc chuyển đổi đất đai với chuyển đổi lao động, đặc biệt ưu tiên đối với những vùng phải chuyển nhiều đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp. Bố trí nguồn kinh phí xây dựng trước các khu tái định cư tập trung, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật đồng bộ để ổn định đời sống nhân dân.

- Về quản lý đất đai:

+ Công bố rộng rãi phương án quy hoạch sử dụng đất được duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng, kết hợp với tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai ở cơ sở nhằm nâng cao ý thức sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch sử dụng đất được duyệt, ngăn chặn các hiện tượng vi phạm pháp luật đất đai.

+ Tiếp tục chỉ đạo UBND các xã, phường, đơn vị tư vấn hoàn thiện dự án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Tăng cường năng lực quản lý đất đai cho cơ sở nhằm đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý sử dụng đất đai phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

+ Tăng cường thanh tra, kiểm tra phát hiện các vi phạm pháp luật về đất đai, ngăn chặn và xử lý kịp thời; quản lý chặt chẽ và thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

+ Có kế hoạch đảm bảo các nguồn thu từ đất, đặc biệt là dành quỹ đất thích hợp cho đấu giá để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và phục vụ cho công tác quản lý đất đai.

+ Tăng cường tổ chức ngành Tài nguyên và Môi trường đủ, mạnh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác tài nguyên môi trường và khoáng sản trong giai đoạn tới. Chú trọng bồi dưỡng chuyên môn trình độ cho cán bộ địa chính cấp xã nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã trong giai đoạn mới.

Để hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 2022, UBND thị xã Ba Đồn tiếp tục chỉ đạo các phòng ban chức năng và UBND các xã, phường phân đấu hoàn thành nhiệm vụ, thực hiện công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
  - VP UBND tỉnh;
  - Thường trực Thị ủy;
  - TT HĐND thị xã
  - CT và các PCT UBND thị xã;
  - Các vị ĐB HĐND thị xã;
  - Các phòng ban, đơn vị liên quan;
  - Lưu: VT.
- ( Đề b/c);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Ninh**

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC UBND THỊ XÃ BA ĐỒN THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT, PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN GPMB NĂM 2023**

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)			
				Cộng bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường về đất	Bồi thường tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ
1	Dự án: Xây dựng hạ tầng khu tái định cư xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn (phục vụ công tác giải phóng mặt bằng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn đi qua thị xã Ba Đồn) - Lần 1	Quảng Lộc	16.767,1	3.890.596.722	586.848.500	79.777.861	3.223.970.361
2	Dự án: Xây dựng hạ tầng khu tái định cư xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn (phục vụ công tác giải phóng mặt bằng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn đi qua thị xã Ba Đồn) - Lần 1	Quảng Sơn	6.014,8	1.412.690.578	210.518.000	44.729.589	1.157.442.989
3	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùn thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (Lần 3)	Quảng Hải	0,0	15.536.730		15.536.730	0
4	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùn thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 - Lần 3	Quảng Hoà	2.201,6	636.249.020	7.056.000	184.373.670	444.819.350
5	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùn thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 - Lần 2	Quảng Minh	98.841,7	1.021.498.625	25.793.400	670.596.467	325.108.758
6	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùn thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 - Lần 4	Quảng Sơn	89.962,1	3.319.992.724	539.772.600	80.795.610	2.699.424.514

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)			
				Cộng bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường về đất	Bồi thường tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ
7	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùn thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 - Lần 5	Quảng Sơn	58.582,8	13.661.593.432	2.050.398.000	323.049.116	11.288.146.316
8	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùn thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 - Lần 6	Quảng Sơn	31.140,2	7.450.444.120	1.089.907.000	149.374.810	6.211.162.310
9	Dự án: Sân vận động xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (phục vụ công tác giải phóng mặt bằng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua thị xã Ba Đồn) - Lần 1	Quảng Sơn	4.496,5	1.043.804.420	157.377.500	21.569.710	864.857.210
10	Dự án: Trường Mầm non xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (phục vụ công tác giải phóng mặt bằng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua thị xã Ba Đồn) - Lần 1	Quảng Sơn	8.379,7	1.898.681.824	293.289.500	40.197.412	1.565.194.912
11	Dự án: Điểm dân cư khu vực vườn Phụ Lão thôn Thượng Thôn, xã Quảng Trung, thị xã Ba Đồn	Quảng Trung	9.348,4	326.826.500			326.826.500
12	Hạ tầng các tuyến nối từ Quốc lộ 12A phường Quảng Phong đi phường Quảng Long và kết nối đường đi trung tâm huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1-Đợt 1-Lần 3)	Ba Đồn	191,8	2.787.470.782	6.713.000	1.711.862.782	1.068.895.000
13	Hạ tầng tuyến đường từ cầu Quảng Hải kết nối các tuyến đường trục chính qua các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1 - Đợt 3)	Quảng Hoà Quảng Lộc	7.510,0	1.111.314.510	91.311.500	371.525.623	648.477.387

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)			
				Cộng bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường về đất	Bồi thường tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ
14	Hạ tầng tuyến đường từ cầu Quảng Hải kết nối các tuyến đường trục chính qua các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1 - Đợt 4)	Quảng Hoà Quảng Lộc	521,6	508.583.548	18.256.000	396.165.774	94.161.774
15	Hạ tầng kỹ thuật tạo quỹ đất khu dân cư phía Nam đường Hùng Vương, thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1, các hộ còn lại - Lần 1)	Ba Đồn	1.237,8	5.202.896.990	2.167.323.000	1.746.687.690	1.288.886.300
16	Quy hoạch chi tiết khu dân cư và đường Lý Thường Kiệt đoạn qua phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình - Hạng mục: San lấp mặt bằng OM3, OM4 thoát nước mặt, hoàn trả mương (Đợt 1)	Quảng Thuận	20.541,9	3.581.993.340	501.354.000	15.756.840	3.064.882.500
17	Dự án thành phần 1 - Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình (đoạn Nam Ròn - Quảng Phúc) - Đợt 3	Quảng Phúc	7.147,4	2.092.398.522	250.159.000	422.803.334	1.419.436.188
18	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp hạ tầng tuyến đường tỉnh lộ 559 đoạn xã Quảng Lộc đi xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn	Quảng Tiên	197,3	34.666.878	4.655.000	643.189	29.368.689
19	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (Lần 4)	Quảng Hoà	0,0	85.941.000	0	85.941.000	0
20	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn (phục vụ công tác giải phóng mặt bằng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn đi qua thị xã Ba Đồn) - Lần 2	Quảng Sơn	790,9	203.726.894	27.681.500	3.793.947	172.251.447

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)			
				Cộng bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường về đất	Bồi thường tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ
21	Dự án thành phần 1 - Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình (đoạn Nam Ròn - Quảng Phúc) - Đợt 4	Quảng Phúc	1.341,4	11.563.833.250	11.365.788.500	76.669.750	121.375.000
22	Dự án thành phần 1 - Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình (đoạn Nam Ròn - Quảng Phúc) - Đợt 5	Quảng Phúc	4.266,8	977.998.302	149.338.000	38.240.401	790.419.901
23	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (Lần 4)	Quảng Hải	0,0	2.923.961.000	0	2.923.961.000	0
24	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (Lần 2)	Quảng Hải	0,0	2.029.854.000	0	2.029.854.000	0
25	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật tạo quỹ đất khu dân cư phía Nam đường Hùng Vương, thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1, các hộ còn lại - Lần 1) Địa điểm: Phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Ba Đồn		656.660.745	4.634.000	173.000.745	479.026.000
26	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật tạo quỹ đất khu dân cư phía Nam đường Hùng Vương, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (Giai đoạn 2 - Thu đợt 3 - Lần 1)	Ba Đồn	3.476,0	831.693.553	121.660.000	92.733.553	617.300.000
27	Hạ tầng kỹ thuật tạo quỹ đất khu dân cư phía Nam đường Hùng Vương, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (Giai đoạn 2) - Hạng mục bổ sung cầu kết hợp đập tràn Quảng Thuận (Đợt 2)	Quảng Thuận	169,4	2.480.988.726	1.868.021.000	559.749.090	53.218.636

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)			
				Cộng bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường về đất	Bồi thường tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ
28	Sân vận động xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (phục vụ công tác giải phóng mặt bằng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua thị xã Ba Đồn) - Lần 2	Quảng Sơn	3.355,7	792.921.588	117.449.500	27.377.294	648.094.794
29	Công trình: Hạ tầng các tuyến nối từ Quốc lộ 12A phường Quảng Phong đi phường Quảng Long và kết nối đường đi trung tâm huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1-Đợt 1-Lần 4) Địa điểm: Phường Ba Đồn và phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Ba Đồn; Quảng Long	657,0	1.829.203.781	203.395.000	1.042.403.498	583.405.283
30	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (Lần 7)	Quảng Sơn	1.653,5	408.898.678	57.872.500	7.931.839	343.094.339
31	Dự án thành phần 1 - Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình (đoạn Nam Ròn - Quảng Phúc) - Đợt 1	Quảng Thuận	630,3	4.731.095.996	4.002.928.500	27.367.496	700.800.000
32	Hạ tầng kỹ thuật tạo quỹ đất khu dân cư phía Nam đường Hùng Vương, thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1, các hộ còn lại - Lần 2)	Ba Đồn	88,2	2.409.553.788	391.078.800	168.251.262	1.850.223.726
33	Công trình Nâng cấp hệ thống tưới, tiêu và thoát lũ sông Kênh Kìa khu vực thị xã Ba Đồn và huyện Quảng Trạch thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiêu dự án tỉnh Quảng Bình (Đợt 4) Địa điểm: Tại phường Quảng Long và Quảng Phong, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Quảng Long, Quảng Phong	9.273,3	812.867.904	77.696.500	74.150.833	661.020.571

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)			
				Cộng bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường về đất	Bồi thường tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ
34	Dự án thành phần 1 - Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình (đoạn Nam Ròn - Quảng Phúc) - Đợt 2	Quảng Thuận	0,0	207.684.557	0	161.897.340	45.787.217
35	Dự án thành phần 1: Đầu tư xây dựng QL12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh (Đợt 2) Địa điểm: Phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Quảng Phong	5.175,6	1.084.289.822	152.883.500	58.983.614	872.422.708
36	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn (phục vụ công tác giải phóng mặt bằng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn đi qua thị xã Ba Đồn) - Đợt 2	Quảng Lộc	1.856,1	452.843.646	64.963.500	8.831.323	379.048.823
37	Trường Mầm non xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (phục vụ công tác giải phóng mặt bằng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua thị xã Ba Đồn) - Lần 2	Quảng Lộc	280,2	71.500.238	9.807.000	4.164.119	57.529.119
38	Hạ tầng kỹ thuật tạo quỹ đất khu dân cư phía Nam đường Hùng Vương, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (Giai đoạn 2 - Thu đợt 3 - Lần 2)	Ba Đồn	4.513,5	1.075.237.040	157.972.500	118.402.040	798.862.500
39	Dự án thành phần 1 - Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình (đoạn Nam Ròn - Quảng Phúc)	Quảng Phúc Quảng Thọ	900,5	4.729.254.464	2.815.750.930	1.327.231.206	586.272.328
40	Hạ tầng kỹ thuật tạo quỹ đất khu dân cư phía Nam đường Hùng Vương, thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1, các hộ còn lại - Lần 3)	Ba Đồn	111,6	2.593.862.411	1.270.008.000	574.366.642	749.487.769

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)			
				Cộng bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường về đất	Bồi thường tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ
41	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùn thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (Công ngăn mặn giữ ngọt thôn Hạ Thôn, xã Quảng Tân)	Quảng Tân	0,0	11.500.000.000	0	11.500.000.000	0
42	Nhà văn hóa Thôn Nam Thủy, xã Quảng Thủy	Quảng Thủy	310,8	352.118.000	101.628.000	0	250.490.000
43	Đường Nguyễn Hữu Cảnh nối dài, đoạn từ ngã tư Võ Nguyên Giáp đi Quốc lộ 1A, thị xã Ba Đồn (Lần 1)	Quảng Thọ	768,3	171.734.288	26.890.500	3.595.644	141.248.144
44	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùn thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (Lần 8)	Quảng Sơn	4.816,0	1.123.477.094	168.595.000	23.549.947	931.332.147
45	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường hai đầu cầu Cồn Nâm xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Quảng Hoà	5.320,4	813.040.532	115.279.500	15.414.516	682.346.516
46	Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình (đoạn Nam Ròn - Quảng Phúc) - Đợt 3	Quảng Thuận	416,1	2.868.463.500	0	2.404.063.500	464.400.000
47	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùn thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (Lần 5)	Quảng Hải	578,5	696.699.000	0	696.699.000	0
48	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vũng Áng - Bùn thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (Lần 5)	Quảng Hoà	0,0	9.549.000	0	9.549.000	0

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)			
				Cộng bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường về đất	Bồi thường tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ
49	Hạng mục: Di dời đường điện phục vụ GPMB thuộc Dự án: Hạ tầng các tuyến nối từ Quốc lộ 12A phường Quảng Phong đi phường Quảng Long và kết nối đường đi trung tâm huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1) Địa điểm: Phường Ba Đồn và phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Ba Đồn; Quảng Long	0,0	618.526.000	0	618.526.000	0
50	Phát triển quỹ đất khu dân cư phía sau trụ sở UBND phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn (Đợt 3)	Quảng Thọ	3.935,5	400.000	0	0	400.000
51	Hạ tầng tuyến đường từ cầu Quảng Hải kết nối các tuyến đường trục chính qua các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1 - Đợt 5)	Quảng Hoà	660,1	144.851.024	23.103.500	3.115.012	118.632.512
52	Trạm bơm Hối Đuôi xã Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	423,4	15.818.162	189.000	27.081	15.602.081
<b>Tổng cộng: 52 công trình, dự án</b>			<b>418.851,8</b>	<b>111.265.787.248</b>	<b>31.295.346.730</b>	<b>31.135.287.899</b>	<b>48.835.152.619</b>

**PHỤ LỤC 2**  
**KẾT QUẢ GIAO ĐẤT, THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỪ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT, BÁN THEO GIÁ KHỞI ĐIỂM, GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BA ĐỒN**

STT	Xã, phường	Dự án	Tổng số thửa	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Tổng tiền sử dụng đất (đồng)
<b>I</b>	<b>Đấu giá QSD đất</b>		<b>100</b>	<b>17.505,3</b>	<b>101.923.662.666</b>
1	Quảng Hòa	106 thửa dự án: Hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (Đợt 1).	55	9.046,0	44.543.818.000
2	Quảng Long	54 thửa Dự án: Phát triển quỹ đất tại Khu dân cư Đồng Cồn Trót, tổ dân phố Chính Trực, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (Đợt 1)	14	2.708,1	19.962.888.000
3	Quảng Long	Đấu giá lần 2 đối với 40 Dự án: Phát triển quỹ đất tại Khu dân cư Đồng Cồn Trót, tổ dân phố Chính Trực, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (Đợt 1)	1	192,0	1.455.000.000
4	Quảng Hòa	Đấu giá lần 2 đối với 51 thửa đất ở dự án: Hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (Đợt 1) xã Quảng Hòa	6	960,0	5.705.400.000
5	Quảng Phúc	Đấu giá lần 02 đối với 26 thửa đất ở thuộc dự án: Phát triển quỹ đất Tổ dân phố Tân Mỹ, phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	1	190,0	912.200.000
6	Quảng Phong	Đấu giá 58 thửa đất thuộc Dự án: Phát triển quỹ đất xứ đồng Cồn Đò thuộc tổ dân 8, phường Quảng Phong	16	3.281,7	21.613.700.000
7	Quảng Hòa	Đấu giá 57 thửa đất ở dự án: Hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (Đợt 1) xã Quảng Hòa	7	1.127,5	7.730.656.666
<b>II</b>	<b>Giao đất theo giá khởi điểm</b>		<b>3</b>	<b>584,0</b>	<b>4.290.000.000</b>
1	Quảng Long	Giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất ở thuộc Dự án: Phát triển quỹ đất tại Khu dân cư Đồng Cồn Trót, tổ dân phố Chính Trực, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (Đợt 1)	3	584,0	4.290.000.000

<b>STT</b>	<b>Xã, phường</b>	<b>Dự án</b>	<b>Tổng số thửa</b>	<b>Tổng diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Tổng tiền sử dụng đất (đồng)</b>
<b>III</b>	<b>Giao đất tái định cư</b>		<b>2</b>	<b>261,3</b>	<b>3.189.570.000</b>
1	Ba Đồn	Giao đất cho 02 hộ gia đình, cá nhân di dời do sạt lở núi tại thôn Minh Tiến, xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	2	261,3	3.189.570.000
<b>Tổng cộng (I+II+III):</b>			<b>105</b>	<b>18.350,6</b>	<b>109.403.232.666</b>

**PHỤ LỤC 3**  
**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN CUỐI NĂM**  
**2023 VÀ TRONG NĂM 2024**

STT	Tên danh mục dự án	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Các dự án phát triển quỹ đất</b>		<b>474.495,1</b>	
1	Hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (Đợt 2) xã Quảng Hòa	Quảng Hoà	49.000,0	Năm 2023 + 2024
2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồng Mua, phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Quảng Thuận	7.223,2	Năm 2023
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Nam đường Hùng Vương, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Ba Đồn	6.106,4	Năm 2023 + 2024
4	Tạo và phát triển quỹ đất tại khu vực phía sau UBND phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Quảng Thọ	40.700,0	Năm 2023 + 2024
5	Xây dựng điểm dân cư nông thôn thôn Văn Phú, xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Quảng Văn	1.823,8	Năm 2023
6	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (GD1)	Quảng Hoà	11.241,7	Năm 2023 + 2024
7	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (Giai đoạn 2)	Quảng Hòa	45.000,0	Năm 2024
8	Phát triển quỹ đất tại Khu dân cư Đồng Cồn Trốt, tổ dân phố Chính Trực, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (Đợt 1)	Quảng Long	51.900,0	Năm 2023 + 2024
9	Phát triển quỹ đất tại Khu dân cư phía Nam tỉnh lộ 559 thôn Vĩnh Phước Đông, xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (GD1)	Quảng Lộc	48.000,0	Năm 2024
10	Hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (Đợt 2) xã Quảng Hòa	Quảng Hòa	99.000,0	Năm 2023 + 2024
11	Hạ tầng khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Quảng Thọ	15.000,0	Năm 2024

STT	Tên danh mục dự án	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
12	Phát triển quỹ đất điểm dân cư nông thôn thôn Văn Phú, xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Quảng Văn	6.500,0	Năm 2024
13	Hạ tầng khu dân cư phía Bắc tổ dân phố Trường sơn phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn	Quảng Long	48.000,0	Năm 2024
14	Khu dân cư mới dọc tuyến đường Lý Thường Kiệt, phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Quảng Thuận	45.000,0	Năm 2024
<b>II</b>	<b>Đất nhỏ lẻ trong khu dân cư không có chi phí hạ tầng</b>		<b>78.770,5</b>	
1	Xã Quảng Minh		7.622,8	Năm 2024
2	Xã Quảng Sơn		5.860,0	Năm 2024
3	Xã Quảng Thủy		14.058,1	Năm 2024
4	Xã Quảng Hoà		6.754,0	Năm 2024
5	Xã Quảng Lộc		3.539,0	Năm 2024
6	Xã Quảng Văn		571,7	Năm 2024
7	Xã Quảng Tân		4.944,0	Năm 2024
8	Xã Quảng Trung		16.155,9	Năm 2024
9	Xã Quảng Hải		5.882,0	Năm 2024
10	Phường Ba Đồn		1.860,6	Năm 2024
11	Phường Quảng Long		5.000,0	Năm 2024
12	Phường Quảng Phong		1.924,3	Năm 2024
13	Phường Quảng Phúc		4.000,0	Năm 2024
14	Phường Quảng Thuận		598,1	Năm 2024
<b>Tổng cộng (I+II): 28 công trình, dự án</b>			<b>553.265,6</b>	